

Số:...../QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày.....tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số/TTr- STP ngày/...../2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Lý Sơn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi

hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Lưu: VT, ...;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HƯỚNG DẪN

THỜI GIAN LẤY SỐ LIỆU, THỜI GIAN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN, HÌNH THỨC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ TÀI LIỆU CHỨNG MINH MỨC ĐỘ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/.../2025
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Điều 1. Thời gian lấy số liệu đánh giá, công nhận xã, phường, đặc khu (sau đây viết tắt là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hằng năm; thời gian lấy số liệu đánh giá, công nhận từ ngày 30 tháng 10 của năm trước liền kề đến ngày 30 tháng 10 của năm đánh giá.

Điều 2. Thời gian tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp, đánh giá kết quả thực hiện và mức độ đạt của từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây viết tắt là *Thông tư số 15/2025/TT-BTP*); niêm yết hoặc đăng tải công khai kết quả tự đánh giá trong ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn; gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây viết tắt là *Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg*) đến Sở Tư pháp trước ngày 25 tháng 11 của năm đánh giá.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp tổ chức thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của từng đơn vị cấp xã theo hình thức quy định tại Điều 3 Hướng dẫn này. Sở Tư pháp hoàn thành

việc thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và xây dựng báo cáo kết quả trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 3. Hình thức thẩm định hồ sơ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (*sau đây viết tắt là Tổ thẩm định*) với các thành phần có liên quan đến nhiệm vụ theo dõi, đánh giá mức độ đạt chuẩn các nội dung tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật của cấp xã (gồm lãnh đạo Sở Tư pháp (*phụ trách lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật*), lãnh đạo, công chức thuộc phòng chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp).

2. Tổ thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do cấp xã gửi về (*sau đây viết tắt là hồ sơ*); trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg thì kịp thời trao đổi, thông tin (*bằng thư điện tử, điện thoại hoặc bằng hình thức thích hợp khác*) với đơn vị cấp xã đã gửi hồ sơ để cung cấp, bổ sung đầy đủ theo quy định. Thời gian thực hiện cung cấp, bổ sung, điều chỉnh tài liệu của hồ sơ phải bảo đảm về thời gian gửi hồ sơ về Sở Tư pháp quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg.

Tổ thẩm định không thực hiện thẩm định đối với hồ sơ không hợp lệ và hồ sơ gửi từ sau ngày 25 tháng 11 hằng năm (*tính theo dấu bưu điện hoặc theo thời gian nhận trên Hệ thống quản lý điều hành Ioffice*); đồng thời tổng hợp tình hình trong Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm.

3. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Tổ thẩm định có trách nhiệm rà soát, đối chiếu hồ sơ (*bao gồm tài liệu minh chứng kèm theo*) với quy định về nội dung, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 15/2025/TT-BTP, xác định mức độ đạt chuẩn từng chỉ tiêu, tiêu chí và căn cứ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg. Kết quả thẩm định phải thể hiện bằng văn bản có chữ ký xác nhận của Tổ trưởng và các thành viên của Tổ thẩm định (được phân công theo đối từng tiêu chí, chỉ tiêu).

Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gồm: Tờ trình của Giám đốc Sở Tư pháp; dự thảo quyết định

công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định.

4. Việc tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

Điều 4. Hướng dẫn thực hiện đối với trường hợp cấp xã chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Trường hợp cấp xã chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua việc tự đánh giá quy định tại Khoản 1 Điều 2 Hướng dẫn này thì UBND cấp xã gửi Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (*nêu rõ tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị các giải pháp khắc phục nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí*) và Bản tự đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật gửi về Sở Tư pháp trước ngày 30 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, lập danh sách các xã, phường, đặc khu chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Trường hợp cấp xã chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua việc thẩm định của Tổ thẩm định thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho các địa phương có liên quan kèm với bản thẩm định và khuyến nghị các giải pháp nhằm nâng cao, đáp ứng tỷ lệ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; đồng thời đưa vào danh sách các xã, phường, đặc khu chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Đơn vị cấp xã chưa đạt tiêu chí tiếp cận pháp luật phải có kế hoạch tổ chức thực hiện các khuyến nghị về giải pháp của Sở Tư pháp nhằm nâng cao, đáp ứng tỷ lệ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong năm tiếp theo.

Điều 5. Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật quy định tại Điều 4 Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg

Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trong hồ sơ gửi về Sở Tư pháp quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này.

PHỤ LỤC

Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

(Kèm theo Hướng dẫn thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá, công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/....../2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đạt 03/03 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>	100%	- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
Chỉ tiêu 2	<i>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây</i>	Đạt 01/01 nội dung	

	<i>dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>		
	Tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>	100%	- Kế hoạch thực hiện truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã - Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động truyền thông: Giấy mời tổ chức hội nghị/lớp/đợt/tọa đàm/ hội thảo để truyền thông; các tài liệu được cấp phát (nội dung dự thảo trong tờ gấp, tài liệu ...), các tin, bài, lịch phát sóng trên Đài truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (nếu có)... - Tài liệu khác chứng minh khác.
<i>Chỉ tiêu 3</i>	<i>Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá) x 100</i>	100%	- Kế hoạch tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; - Báo cáo kết quả tự kiểm tra, rà soát
<i>Tiêu chí 2</i>	<i>Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 07/07 chỉ tiêu</i>	
<i>Chỉ tiêu 1</i>	<i>Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông	Có Danh mục thông tin theo	Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng

	tin công dân được tiếp cận có điều kiện	quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên	nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã lập, cập nhật
	2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin	Đăng tải Danh mục thông tin (cấp xã có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (cấp xã chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc hình thức phù hợp khác	- Đường link chứa nội dung đăng tải Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp xã - Hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin..).
Chỉ tiêu 2	<i>Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin $\text{Tỷ lệ \%} = (\text{Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá}) \times 100$	100%	- Đường link chứa nội dung công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp xã Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; - Tài liệu chứng minh đã thực hiện công khai bằng các hình thức khác như đăng công báo; niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác; Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật...

Chỉ tiêu 3	Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ đã\ cung\ cấp\ đúng\ thời\ hạn,\ chính\ xác,\ đầy\ đủ,\ đúng\ hình\ thức\ theo\ quy\ định\ pháp\ luật / Tổng\ số\ thông\ tin\ có\ yêu\ cầu\ đủ\ điều\ kiện\ cung\ cấp\ trong\ năm\ đánh\ giá) \times 100$ (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).
Chỉ tiêu 4	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 02/02 nội dung	
	1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. - Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ hoạt\ động\ đã\ triển\ khai\ và\ hoàn\ thành\ trên\ thực\ tế / Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ hoạt\ động\ đề\ ra\ trong\ Kế\ hoạch) \times 100$ (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế	100%	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy

	hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)		mời tổ chức các sự kiện, hoạt động phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng trên Đài truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (nếu có)... - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).
Chỉ tiêu 5	<i>Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây: - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; - Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử); - Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...); - Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio...; - Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại; - Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.	≥ 02 hoạt động	- Quyết định thành lập Ban tổ chức cuộc thi; Kế hoạch tổ chức thi; Thẻ lệ Cuộc thi; danh sách thí sinh đạt giải; báo cáo tổng kết Cuộc thi... - Tài liệu, văn bản liên quan đến tập huấn trực tuyến, tạo mã QR tài liệu (qua Zoom; Microsoft team...) - Đường link đến mục/trang/Cổng có thể hiện kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia - Hình ảnh thể hiện đã sử dụng các mạng xã hội hoặc nền tảng cộng đồng trực tuyến; đồng thời xác minh trên thực tế. - Video clip; podcast; audio, infographic... về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật - Hình ảnh chatbox, tin nhắn qua điện thoại - Các tài liệu chứng minh phù hợp khác
Chỉ	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh</i>	<i>Đạt 03/03 nội</i>	

tiêu 6	<i>phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	dung	
	1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã	Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành	Quyết định, Thông báo phân công nhiệm vụ công chức tham mưu lĩnh vực công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Quyết định công nhận, kiện toàn đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật Tài liệu/hình ảnh thể hiện việc bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (Thiết bị máy chiếu/màn hình led, máy tính, máy in, hội trường (âm thanh, ánh sáng, có kết nối Internet...), loa, đài, các phương tiện thiết bị khác
	2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100</i>	100%	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật. - Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.
	3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn</i>	≥ 90%	- Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn.

	<i>cấp xã) x 100</i>		- Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.
Chỉ tiêu 7	<i>Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý</i>	<i>Đạt 03/03 nội dung</i>	
	1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Kế hoạch được ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã	Kế hoạch của UBND cấp xã (của 02 năm trong thời gian đánh giá) về truyền thông về trợ giúp pháp lý hoặc kế hoạch khác có nội dung lồng ghép truyền thông về trợ giúp pháp lý
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế / Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100</i> (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	100%	Báo cáo kết quả thực hiện (hoặc báo cáo lồng ghép) truyền thông về trợ giúp pháp lý Các tài liệu, văn bản chứng minh đã thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động theo kế hoạch (kế hoạch, giấy mời, hình ảnh...)
	3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử/Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử)	Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời	- Đường link dẫn đến chuyên mục phục vụ xác minh trên thực tế - Hình ảnh thể hiện các chính sách, pháp luật đã được đăng tải và cập nhật đầy đủ
Tiêu chí 3	<i>Hoà giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 03/03 chỉ tiêu</i>	
Chỉ tiêu 1	<i>Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở / Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	100%	- Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã về số lượng tổ hòa giải, số lượng hòa giải viên trong một tổ trên địa bàn - Quyết định công nhận, kiện toàn tổ hòa giải, hòa giải viên ở cơ

	(Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)		sở - Danh sách các tổ hòa giải, hòa giải viên trên địa bàn
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ hoà\ giải\ viên\ được\ bầu,\ công\ nhận,\ cho\ thôi\ theo\ quy\ định\ của\ pháp\ luật\ về\ hoà\ giải\ ở\ cơ\ sở / Tổng\ số\ hoà\ giải\ viên\ phải\ thực\ hiện\ bầu,\ công\ nhận,\ cho\ thôi\ trên\ địa\ bàn\ cấp\ xã) \times 100$ (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Hồ sơ thủ tục bầu, công nhận, cho thôi theo Luật Hòa giải ở cơ sở; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBMTTQVN
Chỉ tiêu 2	<i>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ đã\ hoà\ giải\ theo\ quy\ định / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hoà\ giải\ đã\ tiếp\ nhận\ trên\ địa\ bàn\ cấp\ xã) \times 100$ (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	100%	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Văn bản hòa giải thành (nếu có). - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.
	2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hoà\ giải\ thành / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ đã\ hoà\ giải\ theo\ quy\ định) \times 100$ (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	$\geq 85\%$	
Chỉ tiêu 3	<i>Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 01/01 nội dung</i>	
	Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây: - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang	$\geq 80\%$	Văn bản và tài liệu liên quan thể hiện sự tham gia của ít nhất 01 (một) trong các thành phần sau: luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ

	công tác trong lĩnh vực pháp luật. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên. - Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở / Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>		an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật với các vai trò sau: (1) làm hòa giải viên ở cơ sở (2) Hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở (3) tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên (4) phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở
Chỉ tiêu 4	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	<i>Đạt 04/04 nội dung</i>	
	1. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã	Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở	- Quyết định hoặc thông báo phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. - Hình ảnh về máy móc, thiết bị, phương tiện phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên ở cơ sở được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng / Tổng số hoà giải viên trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	≥ 90%	- Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn. - Danh sách hòa giải viên ở cơ sở xác nhận tham dự. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.
	3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí	100%	Văn bản của Ủy ban

	hoạt động đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>		nhân dân cấp xã kèm theo Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền.
	4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100</i>	100%	- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên. - Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.